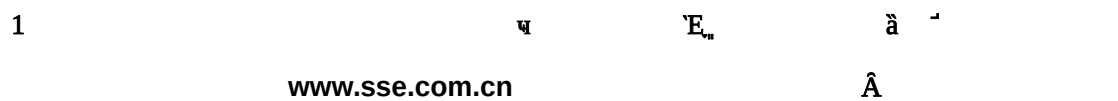


E 605199

E

2021


$$2 \quad E_n = H_{\Psi} - H_{\Psi} - H_{\Psi} - H_{\Psi} \quad \hat{A}$$
$$3 \quad \mathbb{E}_{\mathbf{u}} \quad \mathbb{H} \mathbb{F} \quad \mathbb{H} \Psi \Psi \quad \hat{A}$$
$$4 \quad \Psi \quad H^+ \quad \hat{\quad} \quad P \sim \Psi \quad E_{\mu} \quad F \quad \hat{\quad} \quad \hat{A}$$
[illegible]

1 'E_n

E _n				
				1
A			605199	6

	H_Ψ	$H_{\Psi'}$

đơn vị	họ và tên	đơn vị
	0898-68689766	0898-68689766
	hnhlwyyjtgf@163.com	hnhlwyyjtgf@163.com

2. Nội dung

Theo yêu cầu của UBND xã, UBND xã đã tiến hành kiểm tra, đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn xã. Kết quả kiểm tra, đánh giá được trình bày như sau:

1. Về công tác quản lý, sử dụng đất đai:

UBND xã đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Theo số liệu thống kê, tổng diện tích đất đai trên địa bàn xã là 6,919 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 4,862 ha, diện tích đất lâm nghiệp là 733.1 ha, diện tích đất xây dựng là 4,347 ha, diện tích đất công nghiệp là 6,156 ha, diện tích đất dân cư là 12.39% tổng diện tích đất đai.

2. Về công tác quản lý, sử dụng đất đai:

UBND xã đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Theo số liệu thống kê, tổng diện tích đất đai trên địa bàn xã là 6,919 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 4,862 ha, diện tích đất lâm nghiệp là 733.1 ha, diện tích đất xây dựng là 4,347 ha, diện tích đất công nghiệp là 6,156 ha, diện tích đất dân cư là 12.39% tổng diện tích đất đai.

3. Về công tác quản lý, sử dụng đất đai:

UBND xã đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Theo số liệu thống kê, tổng diện tích đất đai trên địa bàn xã là 6,919 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 4,862 ha, diện tích đất lâm nghiệp là 733.1 ha, diện tích đất xây dựng là 4,347 ha, diện tích đất công nghiệp là 6,156 ha, diện tích đất dân cư là 12.39% tổng diện tích đất đai.

$\hat{A}$
 $\hat{H} \sim$
 γ $\mathfrak{b} \, \gamma$ 0 $H \, \tau$ $\grave{a}$
 $\dagger$ $\mathfrak{b}$ $1 \quad 1$ $\acute{ı}$ 0 $\grave{a}$
 $\mathfrak{z} \, \acute{ı}$ $\hat{A}$
 $\hat{\mathfrak{z}} \sim \mathfrak{E}_n$ β
 $\grave{a} \quad \grave{a}$ $\Leftrightarrow \quad \gamma$
 $\grave{a} \quad 1 \quad \grave{a} \quad \grave{a}$ $\mathfrak{q} \, H$ $\hat{A} \, \mathfrak{E}_n$
 $+$ $\Leftrightarrow$ $\grave{a}$
 $\grave{a}$ $\hat{A}$ $\mathfrak{E}_n$ N_0 π H $\grave{a}$
 $\Leftrightarrow$ $\mathfrak{b}$ $\mathfrak{E}_n \, \gamma$ 10
 $\hat{A} \, \mathfrak{E}_n$ H $'$ $"2021$
 γ $\acute{ı}$ E L $\text{I} \, 2021$ γ $"$ $'$
 $\mathfrak{M} \, \Psi \, H^1$ H $\Psi, \mathfrak{z}$ $"$ E $" \hat{A}$
 $\mathfrak{E}_n$ I L $-n$ H $\text{I} \, F$ L
 I $L \, 2021$ $\mathfrak{z}, \mathfrak{z}$ $\mathfrak{E}_n$ $\acute{ı}$ Ψ γ
 H $" \quad \mathfrak{F}$ $"$ $\hat{A}$
 $\hat{\mathfrak{z}} \sim$ N_0
 $1 \, \grave{a}$
 0 τ $\grave{a}$ $\grave{a} \, \pi$ $\grave{a} \quad 1$ $\grave{a}$
 γ τ $\mathfrak{F} \, \gamma \, \hat{A}$ $\mathfrak{z}$ $\acute{e} \, \tau$
 $\mathfrak{I}$ $\mathfrak{F}$
 $\hat{A}$
 $\hat{CDE} \sim$ $"$ F $"$ τ $\hat{A}$
 $\mathfrak{z}$ $\mathfrak{E}$ $\hat{\mathfrak{z}}$ $\mathfrak{b}$ $\hat{A}$
 $\acute{e} \, S11:$ $\mathfrak{z}$ $\mathfrak{E} \, \mathfrak{I} \, \acute{a} \, \acute{e} \, \tau$ H $\mathfrak{z}, \mathfrak{z}$
 $\mathfrak{I}$ $\acute{e} \, \tau$ $\mathfrak{E}$ $\acute{e} \quad 1$
 $\mathfrak{z}$ $\mathfrak{I}$ $\sim \mathfrak{I}$ $\mathfrak{I}$ $\mathfrak{D}$
 $\mathfrak{I}$ 1 Ψ
 $2 \, \grave{a}$
 2021 2 9 $-$ $^1 \, \mathfrak{E} \, \mathfrak{I}$ $\acute{e} \, \tau$ $\mathfrak{z}$ γ $\mathfrak{I}$
 $\mathfrak{F}$ γ γ γ $\grave{a} \, \mathfrak{M}$ $\hat{A}$ $\pi \quad 1$ γ
 π $\mathfrak{z}$ γ γ $\grave{a} \, \mathfrak{M}$ $\hat{A}$ $\pi \quad 1$ γ
 $\mathfrak{Y}$ $\acute{ı}$ $\hat{A} \, \acute{e}$ $\mathfrak{I}$ $\grave{a}$ $\grave{a}$ $\grave{a}$ N_0
 $\mathfrak{F} \, 28$ $\mathfrak{z}$ γ $\mathfrak{q}$ γ
 $\hat{A}$
 2021 3 5 $-$ $\hat{\mathfrak{z}}$ Ψ $\acute{e}$ $\mathfrak{I} \, \mathfrak{F}$
 $\hat{A}$ γ γ $\mathfrak{I}$ $\hat{A}$ $\mathfrak{z}, \mathfrak{z} \, \mathfrak{P}$
 γ $\beta \, \hat{A}$
 2021 6 17 $-$ $^1 \, \mathfrak{E} \, \mathfrak{I} \, \acute{e} \, \tau$ $1 \, \gamma$ 2021 $-$
 $\mathfrak{I} \, \mathfrak{P}$ $\mathfrak{z}$ γ $\mathfrak{I}$ $\mathfrak{z}$ γ $\mathfrak{I}$ $\hat{A}$
 2021 12 31 γ $\grave{a}$ γ $\acute{e} \, \tau$ γ γ $\Leftrightarrow$

Ì ℱ γ γ ⇔ ð γ γ
 à à γ í Â ℱ γ γ
 γ Â
 Й ℰ_u ч à
 ℋ à à ℬ ⋈ ⋈ ⋈ ℋ
 à ï ℰ_u à Â à
 3 à Й ℬ
 γ 1 ð[±] 2021 12
 19 ^ à γ ~ ℰ_u
 Â à ð
 ð ℱ γ ê γ ℰ
 Â γ ℬ ℱ γ ℱ
 π π ℰ
 ℰ_u WCM
 à π ℒ Â ℰ_u
 ⇔ , ï ℋ à 1
 à , à γ à γ
 ℱ N₀ Â
 ^ ~ ℰ_u ℋ ℋ
 ℰ_u ℱ à à à 1
 1 à à à ч ℋ à à à
 à à à à à à ℰ_u ℰ_u à à
 à à à Â ℰ_u 298 ï 57
 96 γ Â
 1 à
 ℰ_u 34
 0~14 70% ⚙
 1 ℬ à © Â ℰ_u 48 ^ ч
 ~ à 1 à à à ч
 ⇔ Â
 2 à
 ℰ_u ℰ_u γ ℰ_u ℰ
 Â ℰ_u 19 ℋ
 ч ℋ ч Ī Â Ī ℬ 2

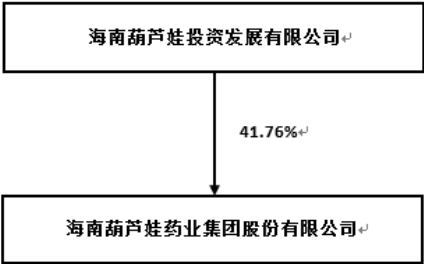
	2021	2020	Δ (%)	2019
	1,760,930,340.04	1,521,159,891.25	15.76	1,086,606,324.64
Δ E	928,205,925.49	916,477,801.88	1.28	643,935,667.58
	1,353,793,179.98	1,161,705,769.57	16.53	1,305,918,058.70
Δ E	72,137,858.48	121,502,482.07	-40.63	120,329,315.60
Δ E	50,424,117.91	81,328,132.74	-38.00	90,327,568.43
Δ	102,483,892.77	3,299,892.58	3,005.67	144,512,810.40
Δ ~ %	7.86	15.83	7.97 №	18.29
Δ ~	0.18	0.32	-43.75	0.33
Δ ~	0.18	0.32	-43.75	0.33

$E_{\text{н}}$	0	57,519,000	14.38	57,519,000		0	
$P^{\wedge} P^{\sim}$	0	32,868,000	8.21	32,868,000		23,800,000	$\dot{t}$
Ψ	0	19,556,460	4.89	19,556,460		0	
	0	18,789,540	4.70	18,789,540		0	
	0	10,956,000	2.74	10,956,000		10,956,000	
	-8,002,013	6,722,851	1.68	0		0	
	-4,554,412	5,875,700	1.47	0		0	
$\leftrightarrow$	5,000,000	5,000,000	1.25	0		5,000,000	
	-14,565,440	2,920,336	0.73	0		0	

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.		1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.					

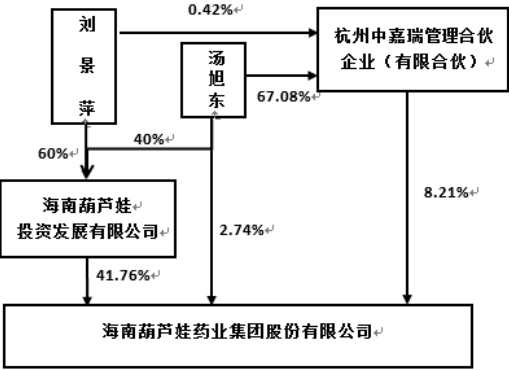
4.2
 实际控制人

☒
 是



4.3
 实际控制人

☒
 是



公司实际控制人为刘景萍、汤旭东夫妇，实际控制人直接及间接持股比例合计为 50.04%。

4.4
 实际控制人

10

☐
 是

5
 实际控制人

☐
 是

